

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - ĐỒNG VĂN HÀ NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 23
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700792992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 05 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Đồng Văn III, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cao Minh Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Cường	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hoàn	Thành viên
Ông Trần Việt Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Trọng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Trọng	Giám đốc
-----------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Đức Huy	Trưởng ban
Ông Trần Ngọc Tuyền	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trí	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Định Giá Đại Dương đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ chonăm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Minh Trọng

Giám đốc

Hà Nam, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Số: 006-25/BCKT-TC/OCA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam được lập ngày 14 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả của Công ty tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Vì vậy, chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu, tính chính xác, tính đầy đủ của số liệu và liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu dưới đây cũng như dự phòng cần trích lập theo quy định hay không:

<u>Khoản mục</u>	<u>01/01/2024</u>	<u>31/12/2024</u>
1 Nợ phải thu	5,08 tỷ VND	3,59 tỷ VND
2 Nợ phải trả	0,21 tỷ VND	0 tỷ VND

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" đến các dữ liệu tương ứng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam tại 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam lần lượt là 62.206 triệu VND và 62.799 triệu VND, lỗ lũy kế lần lượt là 50.601 triệu VND và 54.546 triệu VND. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 11 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả theo quy định tại nội dung Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất số 03/HĐCT-HAPDIC ngày 03/3/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam và Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2018/HĐ-XD ngày 26/10/2018 giữa Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội và Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam; Các biên bản làm việc giữa các bên, các khoản nợ phải trả chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam (số tiền là 37.707.853.100 đồng) và đối với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (số tiền là 5.726.705.113 đồng), phát sinh các khoản lãi chậm thanh toán đã được Công ty ghi nhận vào báo cáo tài chính theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 152/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2024 về việc ký kết phụ lục hợp đồng chi phí lãi chậm trả giữa Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam và Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.



Vũ Kim Hùng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2336-2023-129-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Phúc Hưng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
số: 1793-2023-129-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.339.490.332	6.515.454.822
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	248.360.698	535.725.036
111	1. Tiền		248.360.698	535.725.036
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.253.915.992	5.104.588.659
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	4.244.520.992	3.592.212.659
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	05	49.600.000	1.552.581.000
137	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(40.205.000)	(40.205.000)
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		837.213.642	875.141.127
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		794.895.628	825.406.104
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	42.318.014	49.735.023
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		108.253.896.042	111.605.949.172
220	I. Tài sản cố định		29.261.163.654	31.313.050.581
221	1. Tài sản cố định hữu hình	06	29.220.152.404	31.261.935.331
222	- Nguyên giá		42.744.158.514	42.669.557.686
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.524.006.110)	(11.407.622.355)
227	2. Tài sản cố định vô hình	07	41.011.250	51.115.250
228	- Nguyên giá		101.000.000	101.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.988.750)	(49.884.750)
260	II. Tài sản dài hạn khác		78.992.732.388	80.292.898.591
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	08	78.992.732.388	80.292.898.591
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		113.593.386.374	118.121.403.994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		68.139.326.088	68.721.933.938
310	I. Nợ ngắn hạn		68.139.326.088	68.721.933.938
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	09	56.291.834.393	56.654.910.100
314	2. Phải trả người lao động		52.478.295	795.548.160
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	11.031.912.302	10.555.174.759
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	12	763.101.098	716.300.919
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		45.454.060.286	49.399.470.056
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	45.454.060.286	49.399.470.056
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(54.545.939.714)	(50.600.529.944)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(50.600.529.944)	(43.606.534.645)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(3.945.409.770)	(6.993.995.299)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		113.593.386.374	118.121.403.994

Hà Nam, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Lương Thị Dinh

Kế toán trưởng

Lương Thị Dinh

Giám đốc



Nguyễn Minh Trọng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	2.350.943.620	1.913.980.742
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.350.943.620	1.913.980.742
11	4. Giá vốn hàng bán	16	3.614.477.486	3.414.568.160
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.263.533.866)	(1.500.587.418)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	252.362	756.323
22	7. Chi phí tài chính	18	467.238.272	3.282.637.037
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		467.238.272	3.282.637.037
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	2.214.889.994	2.222.351.551
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.945.409.770)	(7.004.819.683)
31	11. Thu nhập khác	20	-	10.824.384
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	10.824.384
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.945.409.770)	(6.993.995.299)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.945.409.770)	(6.993.995.299)

Người lập biểu



Lương Thị Dinh

Kế toán trưởng



Lương Thị Dinh

Hà Nam, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Minh Trọng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(3.945.409.770)	(6.993.995.299)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		3.862.433.225	6.837.155.719
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.395.447.315	3.515.070.005
03	- Các khoản dự phòng		-	40.205.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(252.362)	(756.323)
06	- Chi phí lãi vay		467.238.272	3.282.637.037
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(82.976.545)	(156.839.580)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		888.600.152	530.591.712
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(1.049.846.122)	(277.161.715)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		31.206.643	(22.741.018)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(2.180.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(213.015.872)	71.669.399
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(74.600.828)	(30.302.400)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		252.362	756.323
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(74.348.466)	(29.546.077)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(287.364.338)	42.123.322
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		535.725.036	493.601.714
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	248.360.698	535.725.036

Hà Nam, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Lương Thị Dinh

Kế toán trưởng

Lương Thị Dinh

Giám đốc



Nguyễn Minh Trọng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700792992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 05 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Đồng Văn III, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 4 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 4 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận tải logistics.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ khai thuế Hải quan; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ ICD; Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế; Hoạt động đại lý bán vé máy bay; Hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ vệ sinh container;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam lần lượt là 62.206 triệu VND và 62.799 triệu VND, lỗ lũy kế lần lượt là 50.601 triệu VND và 54.546 triệu VND. Ngoài ra, Công ty còn có các khoản nợ phải trả nhà cung cấp đã quá hạn thanh toán, số dư tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 lần lượt là 56.499 triệu VND và 55.472 triệu VND (Thuyết minh số 09). Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan, đồng thời có kế hoạch tái cấu trúc Công ty trong thời gian sắp tới cũng như khả năng giãn nợ đối với các khoản nợ từ các bên liên quan. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Các tài sản khác	10 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ không quá 3 năm.

2.8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.9. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

2.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.15. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực logistics và cho thuê kho bãi diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tiền mặt	88.615.348	15.255.891
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	159.745.350	520.469.145
	248.360.698	535.725.036

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	648.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	648.000.000	-	-	-
Bên khác	3.596.520.992	(40.205.000)	3.592.212.659	(40.205.000)
- Công ty Mao Kim Sean Depot	3.069.217.799	-	3.069.217.799	-
- Các khách hàng khác	527.303.193	(40.205.000)	522.994.860	(40.205.000)
	4.244.520.992	(40.205.000)	3.592.212.659	(40.205.000)

5. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu người lao động	49.600.000	-	69.600.000	-
- Phải thu ông Bùi Văn Bằng	-	-	1.482.981.000	-
	49.600.000	-	1.552.581.000	-

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	32.324.662.331	6.714.835.551	3.630.059.804	42.669.557.686
- Tăng khác	74.600.828	-	-	74.600.828
Số dư cuối năm	32.399.263.159	6.714.835.551	3.630.059.804	42.744.158.514
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.200.852.608	5.526.357.864	1.680.411.883	11.407.622.355
- Khấu hao trong năm	976.053.756	788.702.231	351.627.768	2.116.383.755
Số dư cuối năm	5.176.906.364	6.315.060.095	2.032.039.651	13.524.006.110
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	28.123.809.723	1.188.477.687	1.949.647.921	31.261.935.331
Tại ngày cuối năm	27.222.356.795	399.775.456	1.598.020.153	29.220.152.404

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 794.866.222 VND

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2024 là Hệ thống phần mềm SMS. Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là: 101.000.000 VND. Khấu hao lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là: 59.988.750 VND.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	27.578.518
- Tiền thuê đất 70 năm tại Khu công nghiệp Đồng Văn III	78.992.732.388	80.261.691.948
- Các khoản khác	-	3.628.125
	78.992.732.388	80.292.898.591

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	54.017.502.374	54.017.502.374	54.258.855.364	54.258.855.364
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	1.732.296.000	1.732.296.000	1.732.296.000	1.732.296.000
- Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	6.437.219.493	6.437.219.493	6.437.219.493	6.437.219.493
- Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	30.888.600	30.888.600	30.888.600	30.888.600
- Công ty Cổ phần Tân Cảng 189 - Hải Phòng	26.595.600	26.595.600	26.595.600	26.595.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	38.377.650.800	38.377.650.800	37.707.853.100	37.707.853.100
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	5.726.705.113	5.726.705.113	6.653.365.803	6.653.365.803
- Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.686.146.768	1.686.146.768	1.670.636.768	1.670.636.768
Bên khác	1.737.937.891	1.737.937.891	2.396.054.736	2.396.054.736
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Minh Hiếu Đạt	348.345.001	348.345.001	348.345.001	348.345.001
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông Đô 9 - BQP	1.389.592.890	1.389.592.890	1.378.289.890	1.378.289.890
- Đối tượng khác	536.394.128	536.394.128	669.419.845	669.419.845
	56.291.834.393	56.291.834.393	56.654.910.100	56.654.910.100
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	37.707.853.100	37.707.853.100	37.707.853.100	37.707.853.100
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	5.726.705.113	5.726.705.113	6.653.365.803	6.653.365.803
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sao Thái Dương	145.824.000	145.824.000	145.824.000	145.824.000
- Phải trả các đối tượng khác	11.892.221.552	11.892.221.552	11.992.221.552	11.992.221.552
	55.472.603.765	55.472.603.765	56.499.264.455	56.499.264.455

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.318.014	-	-	-	42.318.014	-
- Thuế thu nhập cá nhân	7.417.009	-	7.417.009	-	-	-
	49.735.023	-	7.417.009	-	42.318.014	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Chi phí lãi thanh toán chậm trả Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội (*)	2.785.833.633	2.318.595.361
- Chi phí lãi thanh toán chậm trả Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III Tỉnh Hà Nam (*)	8.186.804.303	8.186.804.303
- Chi phí lãi thanh toán chậm trả Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sao Thái Dương (**)	49.775.095	49.775.095
- Chi phí phải trả khác	9.499.271	-
	11.031.912.302	10.555.174.759

(*) Căn cứ Nghị quyết đại hội cổ đông số 152/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2024 thông qua việc ký kết phụ lục hợp đồng chi phí lãi chậm trả giữa Công ty Tân cảng Hà Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III và Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội. Chi phí lãi thanh toán chậm trả tính đến thời điểm 31/12/2024 với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội theo Hợp đồng xây lắp số 01/2018/HĐ - XL ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III Tỉnh Hà Nam theo Hợp đồng xây lắp số 04/PLHĐ-HAPDIC ngày 05 tháng 12 năm 2024 số tiền lần lượt là: 2.785.833.633 VND và 8.186.804.303 VND.

(**) Chi phí lãi thanh toán chậm trả tính đến thời điểm 31/12/2024 với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sao Thái Dương theo Hợp đồng xây lắp số 02/2018/HĐ-XL/TCHN-STD ngày 31 tháng 10 năm 2018 số tiền là: 49.775.095 VND.

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	86.073.321	87.785.008
- Bảo hiểm xã hội	261.954.617	199.891.538
- Bảo hiểm y tế	4.453.461	8.357.228
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	9.647.446
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	48.750.000	48.750.000
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Thu chi hộ	358.968.341	358.968.341
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.901.358	2.901.358
	763.101.098	716.300.919

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Thu chi hộ	358.968.341	358.968.341
	358.968.341	358.968.341

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	(43.606.534.645)	56.393.465.355
Lỗ trong năm trước (đã điều chỉnh)	-	(6.993.995.299)	(6.993.995.299)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	(50.600.529.944)	49.399.470.056
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	(50.600.529.944)	49.399.470.056
Lỗ trong năm nay	-	(3.945.409.770)	(3.945.409.770)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	(54.545.939.714)	45.454.060.286

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	51.000.000.000	51,0%	51.000.000.000	51,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	39.000.000.000	39,0%	39.000.000.000	39,0%
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	10.000.000.000	10,0%	10.000.000.000	10,0%
	100.000.000.000	1,00	100.000.000.000	1,00

c) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	-	1.200.000.000

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam để sử dụng với mục đích xây dựng cảng ICD và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp cho Công ty Cổ phần Tân Cảng- Đồng Văn Hà Nam từ ngày 31 tháng 03 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2087. Diện tích khu đất thuê là 93.924 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả toàn bộ tiền thuê đất trong năm 2018 và phân bổ tiền thuê theo các năm hoạt động.

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cho thuê xe đầu kéo, kho bãi	2.350.943.620	1.913.980.742
	2.350.943.620	1.913.980.742
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 24)	1.200.000.000	1.200.000.000

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn cho thuê xe đầu kéo, kho bãi	3.614.477.486	3.414.568.160
	3.614.477.486	3.414.568.160

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	252.362	756.323
	252.362	756.323

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Lãi chậm trả	467.238.272	3.282.637.037
	467.238.272	3.282.637.037
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 24)	467.238.272	3.282.637.037

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	561.106.803	673.348.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	783.619.320	779.712.389
Chi phí dự phòng	40.205.000	40.205.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	787.579.126	725.406.301
Chi phí khác bằng tiền	42.379.745	3.679.645
	2.214.889.994	2.222.351.551

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ xóa nợ phải trả	-	10.824.384
	-	10.824.384

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(3.945.409.770)	(6.993.995.299)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Chi phí không hợp lệ	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(3.945.409.770)	(6.993.995.299)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	561.106.803	673.348.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.126.487.755	2.246.110.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.059.188.177	2.713.781.405
Chi phí khác bằng tiền	82.584.745	3.679.645
	5.829.367.480	5.636.919.711

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty cùng
Công ty Cổ phần Tân Cảng 189 - Hải Phòng	Công ty cùng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty cùng
Công ty Cổ phần Cảng Container Dầu thực vật	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Miền Bắc	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Mekong	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	Công ty cùng tập đoàn
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Công ty con của Cổ đông lớn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.200.000.000	1.200.000.000
Chi phí tài chính	467.238.272	3.282.637.037
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	467.238.272	499.002.435
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	-	2.783.634.602

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Định giá Đại Dương kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính căn cứ theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường bất thường số 152/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2024 thông qua việc ký kết phụ lục hợp đồng chi phí lãi chậm trả giữa Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam và Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội. Theo đó số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính thúc cùng ngày được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính kỳ trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
a/ Bảng cân đối kế					
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	865.406.111	10.555.174.759	9.689.768.648	(1)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(40.910.761.296)	(50.600.529.944)	(9.689.768.648)	(1)
b/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh					
- Chi phí tài chính	22	-	3.282.637.037	3.282.637.037	(1)
c/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
- Lợi nhuận trước thuế	01	(3.711.358.262)	(6.993.995.299)	(3.282.637.037)	(1)
- Chi phí lãi vay	06	-	3.282.637.037	3.282.637.037	(1)

(1) Do tăng chi phí lãi chậm trả khoản nợ chậm thanh toán với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam.

Người lập biểu



Lương Thị Dinh

Kế toán trưởng



Lương Thị Dinh

Hà Nam, ngày 14 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Minh Trọng



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 20-03-2025

Số chứng thực.....1759 Quyền số 01 SCT/Đ

CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN DUY THANH